

Số: 1373 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức
tỉnh Tuyên Quang năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức ban hành kèm theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1099-TB/TU ngày 04/11/2019 của Thường trực Tỉnh ủy về việc tuyển dụng công chức năm 2019;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 394/TTr-SNV ngày 19/11/2019 về ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Tuyên Quang năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Tuyên Quang năm 2019, như sau:

I. Chỉ tiêu tuyển dụng: 78 chỉ tiêu (có biểu chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng công chức của từng cơ quan, đơn vị kèm theo).

II. Điều kiện người đăng ký dự tuyển; phương thức tuyển dụng

1. Điều kiện người đăng ký dự tuyển

Người dự tuyển vào làm công chức của các cơ quan, đơn vị phải có đủ điều kiện dự tuyển quy định tại Điều 36, Luật Cán bộ, công chức.

Riêng người dự tuyển vào vị trí việc làm Kiểm lâm viên thuộc Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thực hiện sơ tuyển. Những người đạt yêu cầu, thì sẽ tiếp tục được tham gia xét tuyển, thi tuyển theo quy định.

2. Phương thức tuyển dụng

2.1. Xét tuyển

2.1.1. Đối tượng xét tuyển

- Những người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh đã tốt nghiệp, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Những người thuộc đối tượng chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 36, Luật Cán bộ, công chức cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Người dự tuyển vào chức danh Thủ quỹ cơ quan.

2.1.2. Nội dung, hình thức xét tuyển

Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 1, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; cụ thể, xét tuyển công chức được thực hiện theo 02 vòng như sau:

* *Vòng 1*: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

* *Vòng 2*: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

2.2. Thi tuyển

2.2.1. Đối tượng thi tuyển

Thi tuyển đối với các trường hợp đủ điều kiện dự tuyển công chức theo quy định (bao gồm cả các trường hợp đã dự xét tuyển nhưng không đạt; trừ người dự tuyển vào vị trí chức danh Thủ quỹ cơ quan và các vị trí việc làm đã hết chỉ tiêu tuyển dụng do có thí sinh xét tuyển đã trúng tuyển).

2.2.2. Nội dung, hình thức, thời gian thi tuyển

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; cụ thể, việc thực hiện thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

* *Vòng 1*: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

- Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ (tiếng Anh) 30 câu hỏi. Thời gian thi 30 phút.

- Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

+ Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được dự thi tiếp vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

* *Vòng 2*: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Hình thức thi: Thi viết.
- Thời gian thi: 180 phút.

III. Ưu tiên trong tuyển dụng, cách tính điểm và xác định người trúng tuyển

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5, Điều 1, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

IV. Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển

Mỗi người dự tuyển chỉ được nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm cần tuyển dụng tại 01 cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng; hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu kèm theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ).
- Văn bản, giấy tờ chứng nhận thuộc đối tượng xét tuyển (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.
- 05 phong bì dán tem, có ghi địa chỉ, số điện thoại của người dự tuyển hoặc người nhận thay.

Hồ sơ dự tuyển phải có đủ các thành phần nêu trên, hồ sơ không đủ các thành phần nêu trên hoặc nộp từ 02 hồ sơ dự tuyển vào các vị trí tuyển dụng khác nhau là hồ sơ không hợp lệ và không đủ điều kiện dự tuyển.

2. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển

2.1. Thời gian nhận hồ sơ

Thời gian nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2.2. Địa điểm nhận hồ sơ

Tại Phòng Tổ chức cán bộ; Văn phòng các cơ quan, đơn vị hoặc Phòng Nội vụ; Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện, thành phố có chỉ tiêu tuyển dụng.

V. Lệ phí tuyển dụng

Người đủ điều kiện dự tuyển, nộp phí tuyển dụng theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VI. Thời gian thực hiện

Việc tuyển dụng công chức năm 2019, hoàn thành trong quý II năm 2020 (thời gian, địa điểm xét tuyển, thi tuyển do Hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh thông báo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Thông báo kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Tuyên Quang năm 2019 ban hành tại Quyết định này theo quy định.
- Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức và Đoàn Giám sát tuyển dụng công chức tỉnh Tuyên Quang năm 2019 theo quy định.
- Phương án biên soạn ngân hàng câu hỏi, quản lý ngân hàng câu hỏi, hình thức lựa chọn đề, bàn giao đề thi tuyển và xét tuyển; phương án thi trắc nghiệm trên máy vi tính đối với môn thi Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ.

2. Cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng

- Tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ, lập danh sách người đăng ký dự tuyển; thẩm định Phiếu đăng ký dự tuyển, xác định trường hợp thuộc đối tượng xét tuyển, thi tuyển, ưu tiên trong tuyển dụng.
- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019 của tỉnh tổ chức tuyển dụng công chức vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và của tỉnh hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổ chức sơ tuyển đối với người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm Kiểm lâm viên. Nội dung, hình thức sơ tuyển phải có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ trước khi thực hiện.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang, Sở Thông tin và Truyền thông

Đăng tải, đưa tin, thông báo các thông tin về kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Tuyên Quang năm 2019 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh và trên Báo Tuyên Quang theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp phần mềm thi trắc nghiệm trên máy vi tính đối với môn Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC. (Hh-45)

CHỦ TỊCH




Phạm Minh Huấn

KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH TUYỂN QUẢNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngạch	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
	TỔNG CỘNG	78			
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	2			
		1	Quản trị công sở	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Quản trị văn phòng, quản lý nhà nước
		1	Tiếp công dân	01.003	Đại học trở lên
2	Số Nội vụ	2			
		1	Chuyên viên tổ chức biên chế	01.003	Đại học trở lên
		1	Chuyên viên quản lý nhân sự và đội ngũ	01.003	Đại học trở lên
3	Số Tài chính	4			
		1	Kế toán	06.031	Đại học trở lên, ngành tài chính, kế toán
		1	Chuyên viên quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	01.003	Đại học trở lên, ngành tài chính, kế toán
		1	Chuyên viên quản lý ngân sách	01.003	Đại học trở lên, ngành tài chính, kế toán
		1	Chuyên viên quản lý dự án đầu tư	01.003	Đại học trở lên, ngành tài chính, kế toán
		1			
4	Số Kế hoạch và Đầu tư	1			
		1	Chuyên viên thẩm định chủ trương đầu tư	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Giao thông, xây dựng, thủy lợi, nông nghiệp, công nghiệp, kinh tế, tài chính - ngân hàng

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngành	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16			
5.1	Văn phòng Sở	1	Chuyên viên pháp chế	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
5.2	Chi cục Kiểm lâm				
-	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Na Hang	7	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, lâm nghiệp, lâm sinh, lâm học, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa học môi trường
-	Hạt Kiểm lâm huyện Na Hang	5	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, lâm nghiệp, lâm sinh, lâm học, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, khoa học môi trường
-	Hạt Kiểm lâm huyện Chiêm Hóa	1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính, kế toán, tài chính - kế toán, tài chính - ngân hàng
5.3	Chi cục Thủy lợi	1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
5.4	Chi cục Phát triển nông thôn	1	Chuyên viên theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Phát triển nông thôn, kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế
6	Sở Công Thương	2			
		1	Chuyên viên quản lý thương mại - dịch vụ	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Thương mại, kinh doanh thương mại, kinh tế
		1	Chuyên viên quản lý công nghiệp	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Quản lý công nghiệp, kinh tế công nghiệp
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3			
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngành	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
8	Sở Khoa học và Công nghệ	3			
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
		1	Chuyên viên quản lý khoa học	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, nông, lâm nghiệp, kinh tế, kỹ thuật công nghiệp, khoa học môi trường, hóa phân tích, quản lý văn hóa
9	Sở Tư pháp	2			
		1	Chuyên viên quản lý đo lường	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kỹ thuật công nghiệp, khoa học môi trường, hóa phân tích, kỹ thuật cơ khí
		1	Chuyên viên kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
10	Sở Giao thông vận tải	11			
		1	Chuyên viên quản lý xử lý vi phạm hành chính	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
		1	Chuyên viên quản lý chất lượng công trình giao thông	01.003	Đại học giao thông vận tải hoặc đại học trở lên ngành xây dựng cầu đường
		1	Chuyên viên quản lý kế hoạch	01.003	Đại học giao thông vận tải hoặc đại học trở lên một trong các ngành: Xây dựng cầu đường, tài chính ngân hàng, kế toán

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngạch	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		9	Chuyên viên thanh tra	01.003	<ul style="list-style-type: none"> - 03 vị trí trình độ đại học trở lên, ngành xây dựng cầu đường hoặc công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường giao thông. - 02 vị trí trình độ đại học trở lên, ngành luật kinh tế hoặc quản trị kinh doanh. - 01 vị trí trình độ đại học trở lên, ngành tài chính hoặc tài chính - ngân hàng. - 01 vị trí trình độ đại học trở lên, ngành kinh tế hoặc kế toán. - 01 vị trí trình độ đại học trở lên, ngành công nghệ thông tin (theo dõi giám sát thiết bị hành trình, thiết bị điện tử hệ thống giao thông thông minh). - 01 vị trí trình độ đại học trở lên, ngành kiến trúc
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	3			
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
		1	Chuyên viên hành chính tổng hợp	01.003	Đại học trở lên
		1	Chuyên viên quản lý khai thác khoáng sản	01.003	Đại học trở lên, ngành địa chính hoặc khoáng sản, kỹ thuật mỏ
12	Sở Xây dựng	2			
		1	Chuyên viên quản lý hoạt động xây dựng	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật cơ sở hạ tầng, kinh tế xây dựng, quản lý xây dựng
		1	Chuyên viên quản lý kinh tế xây dựng	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kinh tế xây dựng, kỹ thuật công trình xây dựng

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngành	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	1			
14	Sở Y tế	1			
	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
15	Ban Dân tộc tỉnh	1			
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
16	Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	1			
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Chuyên viên theo dõi phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Đại học trở lên, ngành xã hội học
17	Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn	4			
17.1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1	Chuyên viên quản lý xây dựng	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kinh tế xây dựng, quản lý xây dựng, quản lý đô thị, kiến trúc
		1	Chuyên viên quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Xây dựng các công trình giao thông, xây dựng hầm đường bộ, cầu, đường; quản lý đô thị, giao thông vận tải
17.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1	Chuyên viên quản lý đất đai	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Quản lý đất đai, địa chính, luật, trắc địa
		1	Chuyên viên quản lý môi trường	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Môi trường, khoa học môi trường, công nghệ kỹ thuật môi trường

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngạch	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
18	Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên	7			
18.1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Chuyên viên quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Quản trị nhân lực, quan hệ lao động
18.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính, tài chính - ngân hàng, kế toán, kinh tế, quản lý tài chính công
18.3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1	Chuyên viên quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Xây dựng các công trình giao thông, xây dựng hầm đường bộ, cầu, đường; quản lý đô thị, giao thông vận tải, kỹ thuật công nghệ giao thông
18.4	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Chuyên viên quản lý thương mại	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kinh tế, thương mại, kinh doanh thương mại
18.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1	Chuyên viên quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	01.003	Đại học trở lên, ngành trồng trọt hoặc bảo vệ thực vật
18.6	Phòng Tư pháp	1	Chuyên viên quản lý môi trường	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Môi trường, công nghệ kỹ thuật - môi trường, khoa học môi trường
19	Ủy ban nhân dân huyện Na Hang	3	Chuyên viên hành chính tư pháp	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
19.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính, kế toán, tài chính - ngân hàng, kinh tế, quản lý tài chính công
19.2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1	Chuyên viên quản lý về khoa học công nghệ	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính, tài chính - ngân hàng
19.3	Phòng Y tế	1	Chuyên viên quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Y, dược

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng chỉ tiêu	Vị trí việc làm, chức danh cần tuyển dụng	Mã số ngành	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
20	Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình	5			
20.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1	Thủ quỹ cơ quan	06.035	Trung cấp trở lên
20.2	Phòng Dân tộc	1	Chuyên viên công nghệ thông tin công tác dân tộc	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Công nghệ thông tin, tin học
20.3	Phòng Tư pháp	1	Chuyên viên hành chính tư pháp	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
20.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính, kế toán, kinh tế
21	Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang	4			
21.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính, kế toán, kinh tế
21.2	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	2	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học trở lên
21.3	Phòng Quản lý đô thị	1	Chuyên viên quản lý xây dựng	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Xây dựng, giao thông, quản lý đô thị, kiến trúc

